TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo.

Ông Phan Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Mai Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Công N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Dương Thị H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H kết hôn với anh Dương Công N, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B nay là xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 12/11/2013. Sau khi kết hôn chị H và anh N chung sống cùng gia đình nhà anh N, cuộc sống chung vợ chồng bình thường. Quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Dương Công N không tu trí làm ăn

hay uống rượu vì thế vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị H và gia đình nhiều lần khuyên bảo, góp ý nhưng anh Dương Công N vẫn không thay đổi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, chị H thấy rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh Dương Công N nữa. Vì vậy, chị Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Công N.

- Về con chung: Có một người con chung tên là Dương Công Bảo N1, sinh ngày 15/02/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu anh Dương Công N trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

Về phía bị đơn, anh Dương Công N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban Công an xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và tại gia đình anh Dương Công N, ông Dương Công V là bố đẻ của anh Dương Công N cư trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn khẳng định anh Dương Công N vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, tuy nhiên hiện nay anh Dương Công N đi làm xa nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án được. Các văn bản tố tụng của Tòa án ông Việt đã thông báo cho anh Dương Công N, anh Dương Công N có biết việc chị Dương Thị H hiện nay đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh và biết việc Tòa án đã gửi, tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập anh đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Dương Công N không đến Tòa án mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Dương Công N không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Dương Công N vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị H. Về con chung: Giao con chung là Dương Công Bảo Nam, sinh ngày 15/02/2012 cho anh Dương Công N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng một tháng. Chị Dương Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Dương Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Công N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện B. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Anh Dương Công N vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Công N theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Dương Công N là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2013, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Dương Công N không tu trí làm ăn, chị Dương Thị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Dương Công N vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị H đều trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh Dương Công N chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Dương Công N.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Dương Công N thấy rằng: Anh Dương Công N không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết ly hôn và cũng không có ý kiến về việc chị Dương Thị H có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Dương Thị H yêu cầu ly hôn với anh Dương Công N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Có một người con chung tên là Dương Công Bảo N1, sinh ngày 15/02/2012. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị H có ý kiến yêu cầu anh Dương Công N là người trực tiếp nuôi con, chị H cấp

dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000 đồng một tháng, nguyện vọng của cháu Dương Công Bảo N1 cũng muốn được ở với bố là anh Dương Công N. Xét thấy hiện nay cháu Dương Công Bảo N1 đang ở với anh N và để ổn định cuộc sống của cháu nên chấp nhận yêu cầu của chi Dương Thị H giao cháu Dương Công Bảo Nam cho anh Dương Công N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi cháu Dương Công Bảo N1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2021. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về tài sản chung**,** nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị H trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án anh Dương Công N vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H; về con chung: Giao con chung là Dương Công Bảo N1, sinh ngày 15/02/2012 cho anh Dương Công N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Dương Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng một tháng; về tài sản chung và nợ chung không có là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị Huyễn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 357 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị H. Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Dương Công N.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Công Bảo N1, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2012 cho anh Dương Công N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Dương Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Dương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ mỗi một tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến khi cháu Dương Công Bảo N1 trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2021. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng chị Dương Thị H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05928 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Dương Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Công Đức